

TỔNG QUAN VỀ CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI ĐỐI VỚI TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

1. *Khái niệm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*

1.1. *Khái niệm tai nạn lao động*

Tai nạn lao động (TNLĐ) xuất hiện cùng với quá trình lao động sản xuất của con người. TNLĐ có thể xảy ra ở mọi ngành, nghề, mọi quốc gia. Mặc dù đã có nhiều biện pháp được thực hiện nhằm giảm thiểu TNLĐ như sử dụng máy móc thay thế, trang bị phương tiện bảo hộ lao động... nhưng dù cố gắng đến đâu thì TNLĐ vẫn xảy ra. Chính vì vậy, TNLĐ không chỉ là vấn đề quan tâm của mỗi quốc gia mà là vấn đề quan tâm chung của toàn cầu. Tổ chức lao động quốc tế đã thông qua nhiều Công ước và Khuyến nghị quy định các tiêu chuẩn, các biện pháp nhằm ngăn ngừa và hạn chế TNLĐ cũng như sự trợ giúp cho người bị TNLĐ. Có nhiều khái niệm về TNLĐ:

- TNLĐ là tai nạn xảy ra gây tác hại đến cơ thể người lao động do tác động của yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất.
- TNLĐ là tai nạn gây tổn thương bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.
- TNLĐ là tai nạn bất ngờ xảy ra do lao động hay trong quá trình lao động, có thể gây tử vong hoặc gây cho cơ thể một tổn thương hoặc một rối loạn chức năng vĩnh viễn hay tạm thời.

Mặc dù khái niệm về TNLĐ có thể không thống nhất nhưng các khái niệm đều có điểm chung, đó là tai nạn được xem là TNLĐ khi thỏa mãn cả ba điều kiện:

- Là tai nạn xảy ra bất ngờ;
- Tai nạn xảy ra trong quá trình làm việc của người lao động, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ lao động.
- Tai nạn gây ra hậu quả cho người lao động, có thể là tử vong hoặc làm tổn thương đến một bộ phận, chức năng nào đó của cơ thể.

Từ những phân tích trên, có thể thấy khái niệm về TNLĐ như sau: TNLĐ

là tai nạn xảy ra khi người lao động đang thực hiện nhiệm vụ lao động, gây tổn thương đến cơ thể hoặc gây ra tử vong cho người lao động.

Vấn đề cốt lõi khi xác định TNLĐ là ở phạm vi liên quan đến “thực hiện nhiệm vụ lao động” của người lao động. Ngoài trường hợp bị tai nạn trong khi đang làm việc, nhiều nước còn quy định một số trường hợp tai nạn không xảy ra trong lúc làm việc, nhưng liên quan đến việc thực hiện công việc, cũng được coi là TNLĐ, chẳng hạn người lao động bị tai nạn trên đường đi đến nơi làm việc hoặc đi từ nơi làm việc về nhà, tai nạn khi đang nghỉ giữa ca làm việc...

Việc đưa ra một khái niệm thống nhất về TNLĐ và chỉ ra phạm vi xác định TNLĐ là rất quan trọng trong việc xây dựng chính sách đối với người bị TNLĐ, đặc biệt là trong việc xác định trách nhiệm của các bên liên quan.

1.2. Khái niệm bệnh nghề nghiệp

BNN cùng với TNLĐ được coi là những “rủi ro nghề nghiệp” của người lao động, là tiêu chí để đánh giá tình hình an toàn và vệ sinh lao động ở một đơn vị, một ngành hay một quốc gia.

Theo quy định của ILO thì một bệnh mà người lao động mắc phải do ảnh hưởng của một yếu tố có hại nào đó trong quá trình làm việc của mình được gọi là BNN. Các yếu tố ảnh hưởng này có tính chất thường xuyên và kéo dài gây nên sự tích lũy tiềm tàng về bệnh tật cho cơ thể.

Theo Bộ luật Lao động thì BNN là bệnh phát sinh do điều kiện lao động có hại của nghề nghiệp tác động lên cơ thể người lao động. Có thể nhận thấy rằng, BNN là tình trạng bệnh lý mang tính chất đặc trưng nghề nghiệp hoặc liên quan đến nghề nghiệp mà nguyên nhân gây bệnh là do tác động thường xuyên và kéo dài của điều kiện lao động xấu, có yếu tố độc hại. Cũng giống như TNLĐ, BNN làm suy giảm sức khỏe/khả năng lao động, ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của một bộ phận nào đó của cơ thể thậm chí gây chết người.

Tuy nhiên, TNLĐ và BNN có điểm khác nhau căn bản là TNLĐ xảy ra bất ngờ, phát sinh trong khoảng thời gian ngắn còn BNN xảy ra từ từ, phát sinh trong khoảng thời gian dài.

Việc xác định BNN phụ thuộc rất nhiều vào việc xác định các yếu tố độc hại trong môi trường lao động của người lao động và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Trong quá trình lao động, sản xuất, mặc dù đã tìm mọi biện pháp ngăn ngừa nhưng TNLD, BNN vẫn xảy ra. Nguy cơ xảy ra TNLD, BNN có thể tiềm tàng hoặc phát sinh ngay trong quá trình sản xuất. Có nhiều nguyên nhân gây ra TNLD, BNN, bao gồm cả các nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan, có thể xem xét từ phía các chủ thể tham gia và quản lý quá trình lao động sản xuất:

- Nhận thức của mọi người trong xã hội

Trước hết là nhận thức của người lao động, người lao động là chủ thể của quá trình sản xuất. Xảy ra TNLD, BNN, ngoài các nguyên nhân khách quan như thiết bị, máy móc lạc hậu, hỏng hóc... còn do các nguyên nhân chủ quan do ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động. Trong quá trình lao động, sản xuất, nếu người lao động tuân thủ theo đúng quy định về công tác an toàn, vệ sinh lao động, sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động đúng cách thì sẽ hạn chế TNLD, BNN.

Thứ hai là người sử dụng lao động: nhận thức và ý thức của người sử dụng lao động về vấn đề an toàn vệ sinh lao động; chất lượng công tác huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người lao động; công nghệ sản xuất (máy móc, thiết bị, công cụ sản xuất); quy trình, biện pháp an toàn lao động cho người lao động; điều kiện làm việc và môi trường làm việc; công tác tổ chức sản xuất (bố trí lao động); trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; thực hiện khám sức khỏe định kỳ...

Ngoài ra, nhận thức của những người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực hiện, liên quan đến vấn đề TNLD, BNN cũng ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách, xây dựng các quy định, tiêu chuẩn... về TNLD, BNN và tổ chức thực hiện như: công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật về an toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; các quy định, tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động...

- Trình độ tổ chức sản xuất

Về mặt xã hội, quá trình lao động được thể hiện ở sự phát sinh các mối quan hệ qua lại giữa những người lao động với nhau. Dù cho quá trình lao động được diễn ra trong điều kiện kinh tế- xã hội như thế nào thì cũng phải tổ chức sự

tác động giữa các yếu tố cơ bản của quá trình lao động và các mối quan hệ qua lại giữa những người lao động. Việc tổ chức sản xuất càng khoa học thì hiệu quả sản xuất càng cao, vừa góp phần tăng năng suất lao động xã hội, tăng thu nhập cho người lao động, vừa giảm thiểu rủi ro từ nghề nghiệp. Các yếu tố của quá trình tổ chức sản xuất có ảnh hưởng đến mức độ TNLĐ, BNN như:

+ Hoàn thiện tổ chức phục vụ nơi làm việc: nếu nơi làm việc được trang bị đầy đủ trang bị công nghệ, tổ chức, bố trí hợp lý nơi làm việc phù hợp với yêu cầu về nhân trắc học, tâm sinh lý lao động, vệ sinh an toàn lao động và thẩm mỹ sản xuất thì sẽ giảm nguy cơ xảy ra TNLĐ, BNN, từ đó có thể giảm mức đóng góp cho người sử dụng lao động.

+ Nghiên cứu và phổ biến các phương pháp, thao tác lao động hợp lý nhằm đảm bảo an toàn lao động cho người lao động. Đồng thời nghiên cứu bổ sung kịp thời các BNN phát sinh mới để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

+ Cải thiện điều kiện lao động, giảm nhẹ sự nặng nhọc của công việc, giữ gìn tăng cường sức khỏe cho người lao động, tạo ra những điều kiện lao động thuận lợi.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho người lao động: người lao động phải thường xuyên được đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học, công nghệ. Nếu không, sự tiến bộ của khoa học, công nghệ cũng là nguy cơ tiềm ẩn gây ra rủi ro có quy mô lớn. Như vậy có thể thấy, mức độ TNLĐ, BNN phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Tuy nhiên, khi điều kiện sản xuất càng được đảm bảo, người lao động được chuẩn bị tốt về sức khỏe và trình độ chuyên môn thì nguy cơ xảy ra TNLĐ, BNN sẽ thấp đi. Nói cách khác, để giảm thiểu TNLĐ, BNN cần thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, tác động vào nhiều yếu tố khác nhau.

2. Khái niệm và vai trò của chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

2.1. Khái niệm chế độ bảo hiểm xã hội tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Có thể nói rằng TNLĐ, BNN gây ra những hậu quả to lớn cho người lao động, người sử dụng lao động và toàn xã hội, không chỉ là những thiệt hại về vật chất mà cả những thiệt hại về tinh thần. Theo ước tính của ILO, mỗi năm trên thế giới có khoảng 270 triệu vụ TNLĐ và 160 triệu người bị nhiễm bệnh do

ngành nghiệp, làm 2 triệu người chết. Thiệt hại do TNLD, BNN gây ra ước tính mất khoảng 4% GNP (tổng sản phẩm quốc gia trên toàn thế giới), đó là chưa kể những tổn thất khác cho gia đình người bị nạn và cộng đồng xã hội.

Đối với người lao động, TNLD, BNN làm cho họ giảm sút sức khỏe, suy giảm khả năng lao động, dẫn đến giảm hoặc mất nguồn thu nhập từ lao động. Nhiều trường hợp sau khi bị TNLD, BNN, họ không có khả năng tự phục vụ bản thân, trở thành gánh nặng cho gia đình. Bên cạnh những tổn thất về kinh tế, người lao động còn chịu tổn thất nặng nề về tinh thần, bởi không ai muốn trở thành người tàn phế, người vô ích.

Đối với người sử dụng lao động, khi xảy ra TNLD, BNN sẽ làm phát sinh thêm các chi phí để khắc phục hậu quả như cấp cứu người bị nạn, bồi thường, sửa chữa máy móc, thu dọn hiện trường, tuyển dụng lao động mới..., nhiều trường hợp gây ngưng trệ sản xuất. Hơn nữa, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng, tâm lý của người lao động trong đơn vị không yên tâm dẫn đến giảm năng suất và hiệu quả công việc; người sử dụng có thể bị kiện tụng, hầu tòa hoặc bỏ tù nếu bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với xã hội, TNLD, BNN gây thiệt hại cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, giảm GDP, tăng chi phí giải quyết hậu quả như chi phí điều trị TNLD, BNN, chi phí xử lý môi trường, chi phí đào tạo...

Để khắc phục những thiệt hại do TNLD, BNN, đòi hỏi phải có nguồn tài chính đủ lớn. Nguồn tài chính này có thể có được nhờ tích lũy, vay mượn hoặc tham gia bảo hiểm. Đối với những thiệt hại của người lao động, phần lớn các quốc gia đều quy định trách nhiệm bồi thường của người sử dụng lao động và trợ cấp từ cơ quan BHXH. Cơ sở để quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động là sự cống hiến của người lao động, sự ràng buộc giữa người sử dụng lao động và người lao động để người lao động được đảm bảo trong một chừng mực nào đó về kinh tế và tính mạng. Trên giác độ an ninh xã hội, người lao động nói chung, người lao động có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng phải được hưởng những phúc lợi xã hội thỏa đáng và BHXH là một trong những chính sách xã hội nhằm thực hiện mục đích này.

Bên cạnh đó, để giảm thiểu những thiệt hại do TNLD, BNN cho người lao động, còn có thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro. Đây là một trong những chức năng cơ bản của bảo hiểm nói chung và chế độ BHXH

TNLD, BNN nói riêng.

Đối với người lao động bị TNLD, BNN, một chuỗi rủi ro có thể xảy ra như: ốm đau, giảm khả năng lao động, mất một phần hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động, nếu chết thì thân nhân mất người trụ cột trong gia đình. Trong những trường hợp đó, người lao động cần một khoản tài chính để khắc phục, và BHXH, cụ thể là chế độ TNLD và BNN chính là công cụ hữu hiệu bảo vệ người lao động.

Xuất phát từ sự cần thiết khách quan của chế độ BHXH TNLD và BNN, có thể thấy rằng chế độ BHXH TNLD và BNN là một hệ thống các quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện hưởng, mức đóng, mức hưởng, tổ chức thực hiện..., nhằm bảo vệ người lao động trước những rủi ro do TNLD, BNN.

Như vậy, chế độ BHXH TNLD, BNN cần thực hiện hai chức năng, thứ nhất là phòng ngừa TNLD, BNN, thứ hai là đảm bảo bù đắp phần thu nhập bị giảm do mất khả năng lao động, hoặc trợ cấp cho thân nhân trong trường hợp người lao động chết và hỗ trợ các chi phí phát sinh do TNLD, BNN như trợ cấp phục vụ, chi phí y tế... Chính vì chế độ BHXH TNLD và BNN nằm trong hệ thống các chế độ BHXH nên sau đây, luận án gọi ngắn gọn chế độ này là chế độ TNLD, BNN.

2.2. Vai trò của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Là một chế độ thuộc hệ thống các chế độ BHXH nên ngoài việc thực hiện vai trò chung của BHXH, chế độ TNLD, BNN còn thực hiện vai trò riêng, mang đặc trưng của chế độ như:

- Đảm bảo ổn định thu nhập cho người bị TNLD, BNN.

So với một số rủi ro khác mà người lao động có thể gặp phải như ốm đau, thai sản, thất nghiệp – người lao động có thể nhanh chóng phục hồi sức khỏe hoặc tìm kiếm việc làm để quay trở lại làm việc và có thu nhập, thì rủi ro từ TNLD, BNN lại thường lấy mất đi một phần hoặc toàn bộ khả năng lao động của người lao động, do đó, người lao động khó có thể tìm kiếm việc làm hoặc có việc làm nhưng với thu nhập thấp hơn trước. Chính vì vậy, trợ cấp TNLD, BNN có ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo đời sống cho người lao động, giảm gánh nặng về vật chất cho thân nhân của người lao động.

- Hỗ trợ người lao động chi phí điều trị, phục hồi chức năng... sau TNLD,

BNN.

Ngoài khó khăn do bị giảm hoặc mất khả năng lao động dẫn đến giảm hoặc mất thu nhập, người bị TNLĐ, BNN còn phát sinh rất nhiều nhu cầu khác như: chi phí điều trị tai nạn, bệnh tật, phục hồi chức năng, đào tạo lại...

Chế độ TNLĐ, BNN sẽ hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ những chi phí này cho người lao động để giúp người lao động nhanh chóng phục hồi sức khỏe, tìm được việc làm phù hợp, tái hòa nhập cộng đồng...

- Giảm TNLĐ, BNN nhờ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và hạn chế tổn thất.

Chức năng hoạt động của bảo hiểm nói chung và BHXH nói riêng là thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất cho người tham gia. Hoạt động này mang lại lợi ích không chỉ cho người tham gia bảo hiểm mà còn mang lại lợi ích to lớn cho tổ chức bảo hiểm. Với người tham gia bảo hiểm, không ai muốn rủi ro xảy ra để được tiền bảo hiểm, còn với tổ chức bảo hiểm, giảm bớt số vụ rủi ro đồng nghĩa với việc giảm bớt chi phí bồi thường cho người tham gia, mà chi phí bồi thường này cao gấp nhiều lần chi phí thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế rủi ro. Đối với chế độ TNLĐ, BNN, để giảm thiểu chi phí trợ cấp cho người tham gia, tổ chức BHXH thường thực hiện các biện pháp phòng ngừa TNLĐ, BNN nhờ đó mà làm giảm TNLĐ, BNN.

- Giảm chi phí cho người sử dụng lao động khi xảy ra TNLĐ, BNN, nhanh chóng phục hồi sản xuất kinh doanh.

Thông thường trách nhiệm bồi thường cho người bị TNLĐ, BNN thuộc về người sử dụng lao động, khi loại hình BHXH ra đời và phát triển, trách nhiệm này được chuyển giao cho tổ chức BHXH với điều kiện người sử dụng lao động phải đóng phí. Trách nhiệm này chuyển giao đến mức nào phụ thuộc vào quy định của từng quốc gia, tuy nhiên, khi tham gia BHXH, người sử dụng lao động sẽ được tổ chức BHXH gánh bớt một phần chi phí phải trả cho người lao động khi xảy ra TNLĐ, BNN. Điều đó sẽ giúp người sử dụng lao động không rơi vào tình trạng nợ nần, phá sản, nhanh chóng khôi phục sản xuất kinh doanh.

Hơn nữa, nếu tổ chức bảo hiểm thực hiện chức năng đề phòng và hạn chế tổn thất, một mặt, người sử dụng có thể giảm chi phí thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, một mặt, giảm tần suất xảy ra TNLĐ, BNN.

- Góp phần thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động.

Để góp phần thúc đẩy kinh tế bền vững, giảm chi phí kinh tế, xã hội và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, theo khuyến cáo của ILO, các quốc gia thường xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động. Mục tiêu của chương trình là cải thiện điều kiện, môi trường lao động cho người lao động và giảm thiểu TNLĐ, BNN. Chương trình cũng đưa ra nhiều giải pháp để thực hiện mục tiêu này như xây dựng hệ thống luật pháp, tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và người sử dụng lao động... và chế độ TNLĐ, BNN cũng đóng góp không nhỏ vào việc thực hiện chương trình này.

3. Đặc điểm của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

3.1. Về thời gian hưởng/thời gian cân đối quỹ

Chế độ TNLĐ, BNN vừa mang tính ngắn hạn, vừa mang tính dài hạn. Trong hệ thống các chế độ BHXH, nếu căn cứ theo thời gian hưởng hoặc thời gian cân đối quỹ, có thể phân chia các chế độ BHXH ra thành hai loại ngắn hạn và dài hạn. Với các chế độ ngắn hạn, người lao động chỉ tạm thời bị suy giảm khả năng lao động (hoặc mất việc làm), sau đó họ lại quay trở lại lao động sản xuất, do đó thời gian hưởng chế độ ngắn, thường là nhận trợ cấp một lần hoặc thời gian hưởng được giới hạn trước. Với loại chế độ này quỹ thường được quản lý theo kỹ thuật phân chia và được cân đối trong thời gian ngắn (thường là một năm). Còn đối với các chế độ dài hạn, người lao động bị mất khả năng lao động vĩnh viễn, họ không có khả năng tiếp tục lao động để có thu nhập hoặc nếu có tìm kiếm được việc làm thì thu nhập từ lao động cũng thấp hơn rất nhiều, nên thường là nhận trợ cấp thường xuyên, trong thời gian dài. Với loại chế độ này quỹ thường được quản lý theo kỹ thuật tồn tích và được cân đối trong thời gian dài.

Hầu hết các chế độ BHXH được phân loại hoặc là ngắn hạn hoặc là dài hạn, nhưng chế độ TNLĐ, BNN lại có sự khác biệt. Đối với những người bị TNLĐ, BNN nhẹ, họ có khả năng phục hồi sức khỏe sau TNLĐ, BNN thì chỉ cần hưởng chế độ trong thời gian ngắn. Còn đối với những người bị TNLĐ, BNN nặng, vĩnh viễn mất một phần hoặc toàn bộ khả năng lao động thì họ cần được hưởng chế độ trong thời gian dài, từ khi bị TNLĐ, BNN cho đến khi chết. Chính vì vậy mà chế độ TNLĐ, BNN vừa mang tính ngắn hạn, vừa mang tính

dài hạn. Điều đó làm cho việc cân đối quỹ TNLĐ, BNN phức tạp hơn so với nhiều chế độ khác.

3.2. Về nguồn hình thành quỹ

Trách nhiệm đóng góp vào quỹ TNLĐ, BNN chủ yếu là người sử dụng lao động.

TNLĐ, BNN là những rủi ro gắn liền với quá trình lao động sản xuất. Từ khi loài người tiến hành các hoạt động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho xã hội thì cũng bắt đầu xuất hiện những rủi ro từ lao động, ban đầu là TNLĐ, sau là BNN. Cùng với sự phát triển của các ngành công nghiệp, các “rủi ro” có xu hướng diễn ra thường xuyên hơn. Thời kỳ đầu, người lao động nếu bị TNLĐ hoặc BNN thì phải tự mình khắc phục, hoặc dựa vào sự trợ giúp từ cộng đồng, hoặc dựa vào tòa án phân xử để được tiền đền bù. Dần dần những nguyên tắc xác định trách nhiệm đền bù cho người lao động mới được đặt ra.

Khi đề cập đến trách nhiệm đền bù cho người bị nạn thì trước tiên người ta nghĩ tới trách nhiệm của người sử dụng lao động, người sử dụng lao động là người thuê lao động, có quyền tổ chức và quản lý lao động của người lao động, vì vậy hệ quả tất yếu là họ phải chịu trách nhiệm về những rủi ro xảy ra trong quá trình lao động làm ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng, đời sống của người lao động, đặc biệt trong trường hợp người lao động bị TNLĐ, BNN. Vì vậy, từ cuối thế kỷ XIX, pháp luật của nhiều nước đã quy định việc đền bù đối với rủi ro nghề nghiệp là thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động. Khi chế độ TNLĐ, BNN ra đời, trách nhiệm đền bù của người sử dụng lao động được chuyển sang cho tổ chức bảo hiểm với điều kiện là người sử dụng lao động phải đóng phí cho tổ chức bảo hiểm. Vì vậy, hiện nay, các nước đều quy định trách nhiệm đóng góp vào quỹ TNLĐ, BNN là của người sử dụng lao động.

3.3. Về xác định mức phí

Mức phí đóng góp giữa các ngành, nghề, đơn vị sử dụng lao động có thể khác nhau do mức độ xảy ra TNLĐ, BNN là khác nhau.

Khi tính toán mức phí đóng góp cho các bên tham gia, các nhà bảo hiểm phải dựa trên cơ sở khoa học. Phí bảo hiểm được xác định phụ thuộc vào các số yếu tố như: xác suất xảy ra rủi ro (dựa trên cơ sở số liệu thống kê trong quá khứ), nguy cơ xảy ra rủi ro của người tham gia, phương thức đóng góp, phạm vi bảo hiểm, mức hưởng... Nếu như các rủi ro khác như ốm đau, thai sản, chết...

khó có thể đánh giá nguy cơ xảy ra rủi ro giữa các ngành nghề, thì nguy cơ xảy ra rủi ro TNLĐ, BNN có thể đánh giá được. Có những ngành nguy cơ xảy ra TNLĐ cao như xây dựng, khai thác mỏ..., hay BNN chỉ xảy ra ở những ngành mà môi trường làm việc có yếu tố độc hại. Vì vậy, để đảm bảo sự công bằng giữa các đối tượng tham gia chế độ TNLĐ, BNN, mức phí đóng góp có thể xác định khác nhau, tùy vào nguy cơ xảy ra rủi ro đối với họ.

Trong cùng một ngành, nghề, mức phí đóng góp giữa các đơn vị sử dụng lao động cũng có thể khác nhau do việc thực hiện công tác vệ sinh, an toàn lao động ở các đơn vị. Nếu đơn vị thực hiện không đúng quy định về công tác an toàn, vệ sinh lao động thì mức phí đóng góp sẽ cao hơn và ngược lại, nếu đơn vị thực hiện tốt thì mức phí sẽ thấp hơn.

3.4. Về xác định mức hưởng

Việc xác định mức hưởng chế độ TNLĐ, BNN là phức tạp.

Xét về bản chất thì BHXH nói chung và chế độ TNLĐ, BNN nói riêng nhằm bù đắp phần thu nhập từ lao động cho người lao động khi gặp rủi ro, do đó, khi xác định mức hưởng, người ta thường căn cứ vào mức tiền lương, tiền công bị giảm hoặc mất của người lao động. Tuy nhiên, đối với chế độ TNLĐ, BNN thì rất khó để xác định mức tiền lương, tiền công của người lao động bị giảm đi bao nhiêu, bởi có nhiều người lao động sau khi bị TNLĐ, BNN, họ vẫn có khả năng kiếm được việc làm để có thu nhập, nhiều người thì không thể kiếm việc làm để có thu nhập. Hơn nữa, đối với người bị TNLĐ, BNN, những tổn thất về người (cụt chân, cụt tay, mù mắt...) là không thể lượng hóa bằng tiền. Vì vậy, mức trợ cấp chỉ mang tính tương đối, phụ thuộc vào mức độ đóng góp và mức độ rủi ro (căn cứ vào mức độ suy giảm khả năng lao động).

4. Nội dung của chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

4.1. Đối tượng tham gia và hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Nằm trong hệ thống các chế độ BHXH nên chế độ TNLĐ, BNN cũng nhằm mục đích là bảo vệ người lao động. Người lao động là người được hưởng chế độ khi gặp rủi ro từ nghề nghiệp. Xét trên khía cạnh công bằng xã hội và thực hiện nguyên tắc “số đông bù số ít” thì mọi người lao động đều thuộc đối tượng bảo vệ của chế độ TNLĐ, BNN. Tuy nhiên, trong điều kiện các quốc gia vận hành nền kinh tế theo cơ chế kinh tế thị trường, bao gồm nhiều thành phần

kinh tế thì tồn tại nhiều nhóm người lao động khác nhau, có nhóm người là công chức, có nhóm người làm công ăn lương, có nhóm người lao động độc lập, không có quan hệ lao động... Mỗi nhóm lao động có những đặc điểm khác nhau và có thể gặp rủi ro khác nhau, vì vậy, cần phải có nhiều hình thức, nhiều cơ chế bảo vệ đa dạng.

Với chế độ TNLĐ, BNN, nếu người lao động tham gia quan hệ lao động và thuộc đối tượng tham gia bắt buộc thì người sử dụng lao động cũng có nghĩa vụ phải tham gia đóng phí cho những lao động đó. Tùy theo nhu cầu tham gia và trình độ quản lý rủi ro của từng hệ thống bảo hiểm mà đối tượng tham gia rộng hay hẹp. Ở những nước phát triển, lao động làm công chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số lao động, nhà nước có khả năng quản lý rủi ro xã hội ở mức độ cao thì diện bảo phủ của của chế độ TNLĐ, BNN bắt buộc rộng. Ngoài ra, có thể có thêm hình thức tự nguyện cho các đối tượng chưa được bảo vệ bởi hình thức bắt buộc. Ngược lại, ở các nước chưa phát triển, trình độ quản lý rủi ro của nhà nước còn ở mức độ khiêm tốn thì phạm vi bao phủ của chế độ này hẹp hơn, chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng số lao động xã hội.

Tóm lại, đối tượng tham gia và hưởng chế độ TNLĐ, BNN ở mỗi nước là khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội của mỗi nước. Nhưng xu hướng chung là hình thức tham gia bắt buộc được mở rộng dần từ nhóm đối tượng làm công ăn lương, có thu nhập ổn định sang nhóm đối tượng có thu nhập không ổn định và khó quản lý hơn như lao động tự tạo việc làm, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp...

4.2. Điều kiện hưởng

Thông thường các hệ thống BHXH đều quy định điều kiện để người lao động được hưởng chế độ TNLĐ, BNN là:

Thứ nhất, người lao động được đóng góp BHXH đầy đủ.

Thứ hai, người lao động bị tai nạn được xác nhận là TNLĐ, BNN.

Mặc dù về nguyên tắc, nếu người lao động bị tai nạn hoặc bệnh gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ lao động thì được xác nhận là TNLĐ hoặc bệnh nghề nghiệp. Tuy nhiên phạm vi xác nhận có thể khác nhau tùy theo điều kiện của từng quốc gia.

Đối với chế độ TNLĐ: nói chung, tai nạn xảy ra trong lúc làm việc mới

được trợ cấp. Theo Công ước 121 (1964) thì nhiều nước đã coi tai nạn trên đường đi, về từ nơi làm việc đến nơi ở của người công nhân cũng là TNLĐ.

Thậm chí có nước còn coi tai nạn lao động là những tai nạn xảy ra khi người lao động tham gia hoạt động cứu hộ, chữa cháy,... mặc dù những tai nạn này không liên quan đến công việc của doanh nghiệp.

Đối với chế độ BNN: thường là được ấn định theo danh mục các bệnh nghề nghiệp. Năm 1925 các đại biểu ở Hội nghị Lao động quốc tế chỉ thoả thuận được danh mục gồm 3 bệnh: nhiễm độc chì, nhiễm độc thủy ngân và nhiễm độc than. Tiến bộ khoa học và vật lý công nghiệp làm nảy sinh một số rủi ro mới. Công ước 121 (1964) nêu ra một danh mục 15 BNN, đến năm 1980 đã có danh mục 29 BNN và đến năm 2010, danh sách BNN được bổ sung theo Khuyến nghị 194 (2002) là 105 BNN.

Có hai cách để các định những BNN được bảo hiểm. Cách thứ nhất, xác định danh mục bệnh và chỉ rõ những công việc dễ gây ra từng loại BNN. Người lao động mắc bệnh do đã làm công việc có trong danh mục thì đương nhiên được đền bù. Cách thứ hai, theo yêu cầu đền bù của người bệnh, sẽ xác định xem có đúng vì nguyên nhân hoạt động nghề nghiệp mà phát bệnh không. Cách làm này khiến người bị bệnh phải qua kiểm tra, chẩn đoán, giám định phức tạp để đi kết luận, nhưng cũng có mặt lợi cho người lao động nếu mắc BNN mà chưa có trong danh mục BNN.

Thứ ba, TNLĐ, BNN phải gây ra thiệt hại cho người lao động.

Khi xảy ra TNLĐ, BNN, người lao động bị suy giảm hoặc mất khả năng lao động hoặc bị chết, dẫn đến bị giảm hoặc mất thu nhập từ lao động thì mới được hưởng trợ cấp của chế độ TNLĐ, BNN.

4.3. Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

a) Nguồn hình thành

Thông thường ở một hệ thống BHXH, quỹ BHXH được hình thành do sự đóng góp của người lao động, người sử dụng lao động, hỗ trợ của Nhà nước. Tuy nhiên, do các nước thường quy định việc đền bù cho người bị TNLĐ, BNN là trách nhiệm của người sử dụng lao động nên quỹ TNLĐ, BNN thường được hình thành từ các nguồn:

- Sự đóng góp của người sử dụng lao động: người sử dụng lao động đóng

góp thể hiện trách nhiệm với người lao động mà mình sử dụng, hơn nữa, làm cho người lao động yên tâm làm việc, tạo sự ổn định quan hệ lao động, góp phần tăng năng suất lao động và lợi nhuận cho đơn vị.

- Hỗ trợ của Nhà nước: Nhà nước cũng tham gia đóng góp vào quỹ nhưng với các vai trò khác nhau, có thể là đóng góp một phần, bù thiếu, hỗ trợ...

- Một số nguồn khác: lãi thu được từ hoạt động đầu tư quỹ, tiền tài trợ...

Sự khác nhau giữa các hệ thống BHXH là mức đóng góp cụ thể của các bên tham gia, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia. Có thể thấy điều đó qua:

Bảng trách nhiệm đóng góp của các bên tham gia vào quỹ TNLĐ, BNN

| Quốc gia | Người lao động | Người sử dụng lao động | Nhà nước | Ghi chú |
|-----------|----------------|-----------------------------------|----------|-----------------------|
| Đức | - | ≈ 1,26% | Hỗ trợ | Tỷ lệ phụ thuộc mức |
| Pháp | - | ≈ 2,26% | - | Tỷ lệ phụ thuộc mức |
| Thụy Điển | - | 0,68% | - | |
| Thái Lan | - | 0,2% - 1% | - | Tỷ lệ phụ thuộc tỷ lệ |
| Philippin | - | 10 peso nếu thu nhập < 1.500 peso | - | |
| Hàn Quốc | - | 0,7% - 48,9% | - | Tỷ lệ phụ thuộc mức |
| Nhật Bản | - | 0,45% - 11,8% | Hỗ trợ | Tỷ lệ phụ thuộc tỷ lệ |

Nguồn: Báo cáo của Cơ quan quản lý BHXH Mỹ (SSA), 2008

Như vậy, các quốc gia kể trên đều quy định trách nhiệm đóng góp cho chế độ NLĐ, BNN là của người sử dụng lao động, một số quốc gia có thêm sự hỗ trợ của nhà nước và không có sự đóng góp của người lao động. Mức phí đóng góp đa phần quy định theo tỷ lệ so với tổng quỹ tiền lương của đơn vị, phụ thuộc vào mức độ rủi ro về TNLĐ, BNN của đơn vị.

b) Sử dụng quỹ

Cũng như các quỹ thành phần khác của quỹ BHXH, Quỹ TNLĐ, BNN được sử dụng để:

- Chi trả chế độ TNLĐ, BNN cho người lao động

Phần lớn Quỹ được sử dụng để chi trả chế độ cho người lao động khi gặp rủi ro do TNLĐ, BNN, các khoản chi cụ thể bao gồm: trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, có thể trả một lần hoặc hàng tháng; trợ cấp cho thân nhân người bị chết do TNLĐ, BNN; trợ cấp phục vụ; trang cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt; chi phí y tế trong trường hợp người lao động phải điều trị do vết thương tái phát, bị ốm đau...

- Chi phí quản lý

Bao gồm các khoản chi để đảm bảo cho các hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm như: chi quản lý hành chính (chi lương cho cán bộ bảo hiểm, văn phòng phẩm, đào tạo...); chi cho các hoạt động để đề phòng và hạn chế tổn thất (chi phí tuyên truyền, tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện lao động...); chi hoa hồng cho đại lý hoặc các bên trung gian trong quá trình tổ chức thực hiện...

- Đầu tư

Sản phẩm bảo hiểm có đặc điểm khác so với các sản phẩm dịch vụ khác là có chu trình hạch toán ngược, giá thành sản phẩm được xác định trước khi các chi phí phát sinh và người tiêu dùng phải trả tiền trước khi hưởng. Chính vì vậy mà các quỹ bảo hiểm nói chung và quỹ TNLĐ, BNN nói riêng luôn có một lượng tiền tạm thời nhàn rỗi chưa sử dụng. Lượng tiền này sẽ được dùng vào các hoạt động đầu tư nhằm sinh lời, tăng nguồn thu cho quỹ, đảm bảo chi trả chế độ cho người tham gia.

4.4. Quyền lợi của người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phát sinh rất nhiều nhu cầu cần được trợ giúp như:

- Chăm sóc y tế: khi bị tai nạn hoặc mắc bệnh, người lao động cần được chữa trị để ổn định vết thương hoặc bệnh tật, cả khi vết thương tái phát, người lao động cũng cần được chăm sóc y tế.

- Trợ cấp do suy giảm khả năng lao động: khi người lao động bị TNLĐ, BNN, người lao động có thể bị mất một phần hoặc toàn bộ khả năng lao động, do đó, thu nhập từ lao động bị giảm hoặc mất. Vì vậy, người lao động cần một khoản trợ cấp tương xứng để đảm bảo cuộc sống cho bản thân và gia đình.

- Trợ cấp kèm theo thương tật: do bị TNLĐ, BNN người lao động có thể bị tổn thương chức năng hoạt động của một bộ phận nào đó trên cơ thể (chân, tay, tai, mắt, cột sống...) nên cần phương tiện trợ giúp sinh hoạt như chân tay giả, máy trợ thính, xe lăn.... Hơn nữa, nhiều trường hợp, người lao động bị thương tật nặng, không thể tự phục vụ bản thân, kể cả những sinh hoạt thiết yếu trong cuộc sống, khi đó phải có người trợ giúp, phục vụ. Vì vậy, ngoài trợ cấp thương tật, bệnh tật, người lao động cũng cần thêm các khoản trợ cấp khác để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và trợ cấp phục vụ.

- Trợ cấp cho thân nhân trong trường hợp người lao động chết: thu nhập của người lao động được sử dụng để nuôi sống không chỉ bản thân người lao động mà cả thân nhân như con, vợ/chồng, bố mẹ. Khi người lao động chết, đời sống của những thân nhân này sẽ gặp rất nhiều khó khăn, họ cần một khoản trợ cấp để ổn định đời sống.

Ngoài ra, người bị TNLĐ, BNN còn cần một số trợ giúp khác như: được tái đào tạo nghề, tìm việc làm phù hợp...

Trợ cấp cho người bị TNLĐ, BNN có thể trả một lần hoặc thường xuyên. Đối với các khoản trả trợ cấp thường xuyên, người lao động sẽ được hưởng từ khi đủ điều kiện hưởng đến khi chết. Mức trợ cấp thường căn cứ vào mức độ thương tật, bệnh tật và tiền lương/thu nhập của người lao động trước khi bị TNLĐ, BNN.

5. Chỉ tiêu thống kê cơ bản về chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Chế độ TNLĐ, BNN không chỉ góp phần ổn định đời sống cho người lao động và gia đình họ khi người lao động gặp rủi ro do TNLĐ, BNN, mà xét trên phương diện xã hội, chế độ TNLĐ, BNN làm giảm chi phí khắc phục rủi ro, ổn định xã hội..., trong hệ thống chỉ tiêu thống kê về BHXH, có một số chỉ tiêu thống kê cơ bản về chế độ TNLĐ, BNN như:

- Tỷ lệ lao động tham gia chế độ TNLĐ, BNN¹ được tính cho toàn quốc và từng địa phương, chia ra: theo độ tuổi, giới tính; loại hình, quy mô đơn vị; ngành, nghề... Chỉ tiêu này được dùng để tính phí BHXH TNLĐ, BNN nhằm phản ánh quy mô lao động tham gia chế độ TNLĐ, BNN.

- Tỷ lệ lao động tuân thủ việc tham gia chế độ TNLĐ, BNN² được tính cho toàn quốc và từng địa phương, chia ra: theo độ tuổi, giới tính; loại hình, quy mô đơn vị; ngành, nghề... nhằm phản ánh quy mô lao động tuân thủ quy định của pháp luật về việc tham gia chế độ TNLĐ, BNN.

- Tỷ lệ lao động bị TNLĐ hoặc BNN được hưởng chế độ TNLĐ, BNN³ được tính cho toàn quốc và từng địa phương, chia ra: theo độ tuổi, giới tính; theo ngành, nghề; thâm niên nghề nghiệp; mức độ suy giảm khả năng lao động; thời gian trợ cấp... nhằm phản ánh quy mô số lao động bị TNLĐ, BNN được hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN.

- Tỷ lệ chi TNLĐ, BNN⁴ được tính cho toàn quốc và từng địa phương, chia ra theo mục đích chi nhằm phản ánh mức độ chi so với thu quỹ hàng năm, thông qua chỉ tiêu này, có thể đánh giá khả năng cân đối quỹ, mặt khác, tính toán phân quỹ tạm thời nhàn rỗi để thực hiện đầu tư tăng trưởng.

- Tỷ lệ sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ⁵ nhằm phản ánh kết quả của hoạt động đầu tư quỹ TNLĐ, BNN, tỷ lệ này càng cao càng tốt.

II. CƠ SỞ HOÀN THIỆN CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Để hoàn thiện chế độ TNLĐ, BNN, cần dựa trên những cơ sở nhất định, bao gồm cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn.

¹ Tỷ lệ lao động tham gia chế độ TNLĐ, BNN là Là tỷ số giữa số lao động tham gia chế độ TNLĐ, BNN với số lao động tính đến thời điểm cuối năm.

² Tỷ lệ lao động tuân thủ việc tham gia chế độ TNLĐ, BNN là tỷ số giữa số lao động tham gia chế độ TNLĐ, BNN với tổng số lao động thuộc diện tham gia phải tham gia chế độ TNLĐ, BNN tính đến thời điểm cuối năm.

³ Tỷ lệ lao động bị TNLĐ hoặc BNN được hưởng chế độ TNLĐ, BNN là tỷ số giữa số lao động bị TNLĐ hoặc BNN được hưởng chế độ TNLĐ, BNN so với tổng số lao động bị TNLĐ, BNN phát sinh trong năm.

⁴ Tỷ lệ chi TNLĐ, BNN là tỷ lệ giữa tổng chi từ quỹ TNLĐ, BNN hàng năm so với tổng thu quỹ TNLĐ, BNN.

⁵ Tỷ lệ sinh lời từ hoạt động đầu tư quỹ là tỷ lệ lợi nhuận thu được từ việc đầu tư quỹ TNLĐ, BNN tạm thời nhàn rỗi.

1. Quy luật thống kê số lớn

Biện pháp hữu hiệu nhất để đảm bảo nguồn tài chính khắc phục rủi ro là bảo hiểm. Đối với rủi ro TNLĐ, BNN, người lao động có thể tham gia nhiều loại hình bảo hiểm, tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, ràng buộc trách nhiệm của người sử dụng lao động, các quốc gia thường xây dựng chính sách BHXH bắt buộc, trong đó có chế độ TNLĐ, BNN.

Là một chế độ thuộc hệ thống các chế độ BHXH nên chế độ TNLĐ, BNN cũng hoạt động dựa trên nguyên tắc số đông bù số ít. Những rủi ro từ nghề nghiệp như TNLĐ, BNN là những rủi ro ngẫu nhiên, không lường trước được, và người lao động nào cũng có khả năng bị TNLĐ, vì vậy, để có đủ nguồn tài chính để chi trả cho người lao động khi xảy ra tổn thất, cũng như đảm bảo tính tương trợ cộng đồng, khi xây dựng chế độ TNLĐ, BNN phải dựa trên cơ sở bù trừ rủi ro theo quy luật thống kê số lớn, theo đó, càng nhiều người tham gia chế độ TNLĐ, BNN thì quỹ TNLĐ, BNN tích tụ được càng nhiều, việc chi trả càng dễ dàng hơn.

Dựa trên nguyên tắc số đông cũng như quy luật thống kê số lớn, các nhà nghiên cứu có thể tính toán chính xác xác suất xảy ra rủi ro, từ đó xác định được phạm vi đối tượng tham gia BHXH; mức đóng; điều kiện hưởng, mức hưởng BHXH... hợp lý, đảm bảo cân đối quỹ trong thời gian dài.

Không giống như các rủi ro hoặc biến cố BHXH khác, rủi ro TNLĐ hoặc BNN có đặc thù là mức độ rủi ro giữa các đơn vị là khác nhau, phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ quan của các đơn vị. Vì vậy, khi xây dựng chế độ TNLĐ, BNN, cần chú ý đến đặc thù của các nhóm nghề.

2. Nhu cầu của người lao động

Theo tháp nhu cầu của nhà tâm lý học Maslow thì nhu cầu an toàn (thân thể, việc làm, tài sản...) được xếp ở bậc thứ hai, sau nhóm nhu cầu thuộc về thể lý như ăn, mặc, ở... Đối với người lao động, thu nhập từ lao động của họ không chỉ nuôi sống bản thân mà còn nuôi sống những người thân khác trong gia đình. Nguồn thu nhập này có thể bị giảm hoặc mất do người lao động gặp phải những rủi ro nghề nghiệp như TNLĐ, BNN. Chính vì vậy, nhu cầu được bảo vệ bởi chế độ TNLĐ, BNN là nhu cầu thiết yếu của người lao động.

TNLĐ, BNN xảy ra, dù do nguyên nhân nào cũng đều gây tổn thất về sức

khỏe cho người lao động. Sự suy giảm này kéo theo hàng loạt vấn đề cho người lao động như: phát sinh chi phí để điều trị thương tật, bệnh tật; nghỉ việc; suy giảm một phần hoặc hoàn toàn khả năng lao động; việc làm và thu nhập sau TNLD, BNN... Vì vậy, việc hoàn thiện chế độ TNLD, BNN trước tiên phải xuất phát từ nhu cầu của người lao động, từ hậu quả của TNLD, BNN mà người lao động phải gánh chịu.

3. Khả năng đóng góp của các bên tham gia

Khi xây dựng chế độ TNLD, BNN dựa trên cơ sở cân đối thu- chi, vấn đề quan trọng cần xem xét đó là nguồn tài chính đảm bảo cho việc thực hiện chế độ. Nguồn này chủ yếu do sự đóng góp của người sử dụng lao động. Về bản chất, nguồn đóng góp được hình thành trong sản xuất kinh doanh đối với khu vực sản xuất kinh doanh và từ ngân sách Nhà nước (chủ yếu là thu từ thuế) đối với khu vực hành chính sự nghiệp. Các nguồn này về thực chất đều liên quan đến bài toán về tài chính và hạch toán kinh doanh của đơn vị.

Đối với các đơn vị, để tồn tại và phát triển, đơn vị phải hoạt động có hiệu quả, phải có lãi và tích lũy để tái sản xuất (giãn đơn và mở rộng), thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN và các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định, trong đó bao gồm các khoản đóng góp bảo hiểm. Muốn vậy sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của đơn vị phải có khả năng cạnh tranh, bán được trên thị trường và có lãi. Các khoản chi phí đóng góp cho người lao động được tính trong cơ cấu giá trị của sản phẩm, vì vậy, để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh, đơn vị phải tính toán để giảm chi phí tới mức tối đa. Như vậy, khi xác định trách nhiệm đóng góp của người sử dụng lao động, phải được tính toán một cách khoa học để đảm bảo tương quan với các chi phí khác, nếu không, đơn vị sẽ không có khả năng thực hiện, hoặc là đơn vị sẽ tìm cách trốn tránh trách nhiệm, hoặc là sẽ bị phá sản, điều đó sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động. Mặt khác, khi đơn vị hoạt động có hiệu quả, đơn vị mới có khả năng trả lương và đóng góp cao cho người lao động.

Từ bài toán kinh tế đó, khi tính toán mức phí đóng góp và cân đối quỹ TNLD, BNN, phải cân nhắc những vấn đề sau:

+ Mức đóng góp phải phù hợp với các bên tham gia và phải đảm bảo mang lại lợi ích kinh tế cho cả người lao động, đơn vị sử dụng lao động và xã hội. Mức đóng góp của đơn vị phải vừa đảm bảo nguồn quỹ để thực hiện chế độ cho

người bị TNLĐ, BNN, vừa đảm bảo hoạt động cho đơn vị, không bị thua lỗ dẫn đến phá sản. Tùy vào điều kiện kinh tế của mỗi nước mà quy định mức đóng góp cho phù hợp. Ban đầu có thể quy định mức đóng góp thấp, sau đó tăng dần. Khi xây dựng chế độ TNLĐ, BNN, ngoài quan tâm đến khía cạnh thoả mãn nhu cầu của người lao động, còn phải đặt nó trong mối quan hệ với người sử dụng lao động. Nếu chỉ bảo vệ lợi ích một phía đơn thuần của người lao động, không tính đến khả năng đóng góp của người sử dụng lao động là không hợp lý.

+ Xây dựng chế độ TNLĐ, BNN dựa trên cơ sở đóng góp của người sử dụng lao động phải căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, mức sống chung của cộng đồng và thu nhập của đơn vị. Đối với những nước có nền kinh tế đang phát triển, mức thu nhập bình quân đầu người còn thấp, thì khó có thể áp dụng một chế độ đóng góp cao và không thể mở rộng đối tượng cho tất cả mọi người, mà phải mở rộng dần với bước đi thích hợp, trước hết là với người làm công ăn lương.

+ Mức trợ cấp/bồi thường cho người bị TNLĐ, BNN phải được tính toán tương xứng với mức đóng góp để đảm bảo khả năng cân đối của quỹ (khả năng chi trả) trong thời gian dài. Ngoài ra, mức hưởng còn được xác định dựa trên mức độ rủi ro, đảm bảo công bằng giữa những người lao động.

4. Điều kiện kinh tế- xã hội

Điều kiện kinh tế- xã hội có ảnh hưởng tới việc hoàn thiện chế độ TNLĐ, BNN bao gồm:

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô

Xét về khía cạnh kinh tế, các yếu tố kinh tế vĩ mô có tác động đến việc hoàn thiện chế độ TNLĐ, BNN, đó là: mức độ tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, tỷ lệ lạm phát,... Trong mối quan hệ vĩ mô giữa tăng trưởng và phát triển kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, khi xây dựng chế độ TNLĐ, BNN, cần phải rất coi trọng nguyên tắc công bằng, bình đẳng để mọi người lao động đều được bảo vệ trước rủi ro từ nghề nghiệp. Tuy nhiên, mức đóng và mức hưởng chế độ TNLĐ, BNN cũng phải được tính toán phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước trong từng thời kỳ phát triển. Nếu quy định mức đóng góp cho chế độ TNLĐ, BNN cao hơn khả năng của người tham gia hoặc mức hưởng quá thấp, không đảm bảo mức sống tối thiểu của người thụ hưởng thì khó khả thi.

Điều kiện kinh tế vĩ mô cũng tác động tới việc lựa chọn cơ chế quản lý tài chính đối với chế độ TNLĐ, BNN. Nếu kinh tế tăng trưởng ổn định, có nhiều cơ hội đầu tư cho lợi nhuận cao, thì có thể lựa chọn cơ chế tài chính bình quân tổng thể, nghĩa là mức đóng góp quy định cao ngay từ đầu và không thay đổi trong suốt quá trình tham gia, để có nguồn quỹ nhân rồi lớn thực hiện các hoạt động đầu tư.

- Nhận thức về chế độ TNLĐ, BNN

Việc hoàn thiện một chế độ, chính sách kinh tế- xã hội bao giờ cũng cần đến sự ủng hộ của các bên liên quan. Điều này phụ thuộc vào nhận thức của các bên về vai trò, quyền lợi và nghĩa vụ của họ trong chính chế độ ấy. Đối với chế độ TNLĐ, BNN, nhận thức này thể hiện ở các điểm sau:

+ Nhận thức của người lao động liên quan đến việc đòi hỏi các quyền lợi khác ngoài lương, trong đó có quyền lợi tham gia và hưởng BHXH nói chung, chế độ TNLĐ, BNN nói riêng.

+ Nhận thức của người sử dụng lao động trong việc đóng góp vào quỹ TNLĐ, BNN.

+ Nhận thức của những người làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tổ chức thực hiện chế độ TNLĐ, BNN trong việc hoạch định chính sách, xây dựng chế độ... đối với người bị TNLĐ, BNN.

- Các chính sách kinh tế- xã hội khác

Để tiến hành quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội, Nhà nước phải sử dụng công cụ là các chính sách kinh tế - xã hội, và chế độ TNLĐ, BNN là một hợp phần trong đó. Vì vậy, việc hoàn thiện chế độ TNLĐ, BNN không thể tách rời, độc lập mà phải đảm bảo tính tương thích và phù hợp với các chính sách kinh tế- xã hội khác, như chính sách tiền lương; an sinh xã hội; an toàn, vệ sinh lao động... Hơn nữa, các chính sách kinh tế- xã hội cũng tác động tới mức độ bảo trợ của Nhà nước đối với chế độ TNLĐ, BNN, đặc biệt là sự hỗ trợ đối với quỹ TNLĐ, BNN.

5. Nội dung chế độ và tổ chức thực hiện chế độ TNLĐ, BNN hiện hành

Hoàn thiện chế độ TNLĐ, BNN phải dựa trên các yếu tố nội tại của chế độ như nội dung của chế độ TNLĐ, BNN và việc tổ chức thực hiện chế độ TNLĐ, BNN hiện hành.

Nội dung chế độ TNLĐ, BNN hiện hành bao gồm các quy định về đối tượng tham gia, đối tượng và điều kiện hưởng, mức đóng góp và mức hưởng chế độ, các quy định này được luật pháp hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Các nội dung này, sau một thời gian thực hiện sẽ có những điểm không còn phù hợp với các điều kiện hiện tại, cần có các nghiên cứu để hoàn thiện.

Tổ chức thực hiện chế độ TNLĐ, BNN là quá trình đưa các quy định của Nhà nước vào cuộc sống. Tổ chức thực hiện bao gồm các khâu: tổ chức thu phí, xác nhận hồ sơ và tổ chức chi trả chế độ, quản lý quỹ... Do đó, hoàn thiện tổ chức thực hiện cũng là một nội dung của hoàn thiện chế độ.

Như vậy, trên cơ sở những vấn đề lý luận cơ bản về BHXH như khái niệm, vai trò, các nguyên tắc hoạt động và hệ thống các chế độ BHXH theo Công ước 102 của ILO. Là một chế độ nằm trong hệ thống các chế độ BHXH nên chế độ TNLĐ, BNN cũng có bản chất, vai trò và nguyên tắc hoạt động như BHXH. Bên cạnh những điểm chung, chế độ TNLĐ, BNN có những điểm riêng biệt thể hiện cụ thể ở khái niệm TNLĐ, BNN, các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ TNLĐ, BNN; vai trò của chế độ TNLĐ, BNN; đặc điểm của chế độ TNLĐ, BNN về tính chất, nguồn hình thành quỹ, xác định phí...; nội dung và các chỉ tiêu thống kê cơ bản về chế độ TNLĐ, BNN giúp cho người nghiên cứu có cơ sở nghiên cứu đánh giá trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách đối với tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

TTBD ĐBDC

